

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi: - Hội đồng Khoa học chấm sáng kiến ngành GDTH huyện Ba Vì.
 - Hội đồng Khoa học xét duyệt SKKN trường Tiểu học Vân Hòa.

Họ và tên	Ngày sinh	Nơi công tác	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tên sáng kiến
Bùi Thị Quyên	13/10/1984	Trường Tiểu học Vân Hòa	Giáo viên	Đại học	Một số giải pháp giúp học sinh học tốt toán có lời văn lớp 3, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

- **Lĩnh vực áp dụng sáng kiến:** Công tác chủ nhiệm Lớp 3
- **Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu:** 10/9/2023
- **Mô tả bản chất của sáng kiến:** Sáng kiến này đã chỉ ra được những giải pháp mới và áp dụng vào thực tiễn giáo dục môn Toán cho học sinh. Các giải pháp này đã phát huy tính tích cực, chủ động, tự học và tự sáng tạo của học sinh trong lớp. Nâng cao chất lượng cho học sinh trong dạy học. Bước đầu hình thành và rèn luyện cho học sinh các kĩ năng: tự chủ, tự học, rèn thói quen cẩn thận khi giải toán, đặc biệt là toán có lời văn. Hình thành cho các em phẩm chất chăm chỉ, cẩn thận, đoàn kết bạn bè.
- **Những thông tin cần bảo mật:** Không
- **Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:** Để sáng kiến được áp dụng có hiệu quả, cần có sự chỉ đạo sát sao của Ban giám hiệu nhà trường, Tổ chuyên môn và sự nỗ lực, sáng tạo, tình yêu nghề, yêu thương học sinh của Giáo viên.
- **Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả:** Sau một thời gian áp dụng *một số giải pháp giúp học sinh học tốt toán có lời văn lớp 3, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống*. Học sinh lớp tôi đã tự chủ, tự học, rèn thói quen cẩn thận khi giải toán, đặc biệt là toán có lời văn. Nhờ đó phong trào học tập tiến bộ rất nhiều. Trong các giờ học các em

tập trung rất cao, thảo luận sôi nổi, tích cực. Một số em còn trở nên đam mê với môn Toán.

- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu hoặc áp dụng thử nếu có: Không

- Danh sách những người đã tham gia áp dụng thử hoặc áp dụng sáng kiến lần đầu: Không

Tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Vân Hòa, ngày 6 tháng 5 năm 2024

Người nộp đơn

Bùi Thị Quyên

PHIẾU NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

Họ tên tác giả : Bùi Thị Quyên

Tên đề tài: **Một số giải pháp giúp học sinh học tốt toán có lời văn lớp 3, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống**

Lĩnh vực: Toán

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa
1	Sáng kiến có tính mới	
1.1	Hoàn toàn mới, được áp dụng đầu tiên	
1.2	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá	
1.3	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình	
1.4	Không có tính mới hoặc sao chép từ các giải pháp đã có trước	
Nhận xét:		
2	Sáng kiến có tính áp dụng	
2.1	Có khả năng áp dụng trong phạm vi toàn ngành hoặc rộng hơn	
2.2	Có khả năng áp dụng trong đơn vị và có thể nhân ra một số đơn vị có cùng điều kiện	
2.3	Có khả năng áp dụng trong đơn vị	
2.4	Không có khả năng áp dụng trong đơn vị	
Nhận xét:		
3	Sáng kiến có tính hiệu quả	
3.1	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội, có tính lan tỏa	
3.2	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội	
3.3	Có hiệu quả, lợi ích phù hợp với mức độ phù hợp tại đơn vị	
3.4	Không có hiệu quả cụ thể	
Nhận xét:		
4	Diễn trình bày	
4.1	Trình bày khoa học, hợp lý	
4.2	Trình bày chưa khoa học, chưa hợp lý	
Nhận xét:		
Tổng cộng:		
Đánh giá: ☐ Đạt (>70 điểm) ☐ Không đạt		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN CƠ SỞ

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	1
I. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến	1
II. Mục tiêu của đề tài.....	2
III. Thời gian, đối tượng nghiên cứu.....	2
B. NỘI DUNG CỦA SÁNG KIẾN	3
I. Hiện trạng vấn đề	3
II. Các giải pháp thực hiện sáng kiến	4
III. Kết quả sau khi áp dụng sáng kiến.....	16
IV. Hiệu quả của sáng kiến.....	17
V. Tính khả thi của sáng kiến.....	17
VI. Thời gian thực hiện sáng kiến.....	18
VII. Kinh phí thực hiện sáng kiến.....	18
C. KHUYẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	18

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

I. TÍNH CẤP THIẾT PHẢI TIẾN HÀNH SÁNG KIẾN

Trong các môn học ở bậc Tiểu học cùng với môn Tiếng Việt thì môn Toán là môn học rất quan trọng đối với học sinh lớp 3 nói riêng và đối với học sinh tiểu học nói chung. Nó là nền tảng, then chốt, là cơ sở cho quá trình học tập môn toán ở các lớp trên. Đây là môn học khó, phức tạp đối với học sinh, học sinh cần phải tiếp xúc với các đối tượng toán học, các quan hệ toán học. Qua đó cũng rèn luyện cho đối tượng học sinh phương pháp suy nghĩ, phương pháp suy luận, phương pháp giải quyết vấn đề, phát huy tính tích cực tự giác, chủ động, sáng tạo làm việc có kế hoạch, có nề nếp tác phong khoa học.

Như chúng ta đã biết lớp 3 là lớp kết thúc giai đoạn đầu của bậc tiểu học phải chuẩn bị cơ sở để học sinh có thể học tốt giai đoạn cuối của bậc tiểu học, đạt trình độ phổ cập giáo dục tiểu học. Vì vậy dạy toán lớp 3 về giải toán nói chung cũng như giải toán có lời văn nói riêng được chúng ta hết sức quan tâm.

Giải toán là một hoạt động trí tuệ, khó khăn phức tạp, hình thành kỹ năng giải toán khó hơn nhiều với kỹ xảo tính, vì các bài toán là sự kết hợp đa dạng nhiều khái niệm, nhiều quan hệ toán học. Giải toán không chỉ là nhớ mẫu rồi áp dụng mà đòi hỏi nắm chắc khái niệm, quan hệ toán học nắm chắc ý nghĩa của phép tính, đòi hỏi khả năng độc lập, suy luận độc lập của học sinh, đòi hỏi biết làm tính thông thạo.

Nói tới toán học là nói tới hai chữ **“chính xác”**, chỉ cần một sai sót nhỏ ở một bước làm tính nào đó có thể dẫn tới sai toàn bộ bài toán. Mỗi bước sai sẽ gây lúng túng, lo âu cho học sinh. Các em sẽ hoàn toàn mất bình tĩnh khi làm bài. Dẫn đến kết quả thấp, chất lượng chung không cao. Bên cạnh đó tâm lý trẻ tiểu học thường hiếu động nhưng lại rất dễ nhớ và mau quên. Bởi vậy người giáo viên phải biết tìm ra cách giúp học sinh vận dụng và ghi nhớ.

Vì vậy giải toán có lời văn nhằm mục đích giúp học sinh biết vận dụng những kiến thức về toán, củng cố và vận dụng những khái niệm kỹ năng, kỹ xảo được hình thành với những yêu cầu được thể hiện một cách đa dạng phong phú.

Đất nước ta đang trên đường đổi mới, thầy cô giáo là những người làm công tác giáo dục, luôn phải có sự vận động tích cực để tiến kịp với sự nghiệp **“Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”**. Những năm học gần đây các phương pháp dạy toán học được cải tiến đáp ứng yêu cầu nội dung thay sách mới, phần nào đã nâng cao chất lượng môn toán nói chung và toán có lời văn lớp 3 nói riêng.

Đặc biệt hiện nay đang thực hiện chương trình thay sách toán học cùng với sự đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp tự học và làm việc khoa học, chủ

động, linh hoạt sáng tạo góp phần phát triển năng lực tư duy, khả năng suy luận hợp lý và diễn đạt đúng. Trong nhiều năm trực tiếp giảng dạy lớp 3 tôi thấy một thực trạng dạy phổ biến ở các lớp đó là học sinh thường mắc nhiều thiếu sót khi giải toán có lời văn đó là:

- Câu trả lời của từng phép tính: chưa rõ ràng, thiếu chính xác.
- Về trình bày: sai đơn vị.
- Vẫn còn học sinh đặt phép tính sai (do nhầm lẫn giữa các dạng toán tương tự nhau).

Trong khi đó, học sinh lớp 3 phải đạt được yêu cầu khi giải toán như sau:

- Giải được tất cả các bài toán đơn.
- Giải được các bài toán hợp, chủ yếu các bài 2 phép tính, với quan hệ thường gặp giữa đại lượng thông dụng và đạt yêu cầu sau:
 - + Biết tự tóm tắt bài toán;
 - + Tìm ra trình tự giải;
 - + Viết được bài giải đầy đủ phần lời giải, tìm phép tính tương ứng và đáp số, biết ghi đúng tên đơn vị.

Xuất phát từ cơ sở trên, năm học vừa qua tôi đã đặt ra cho mình kế hoạch nhiệm vụ thực hiện đề tài: **“Một số giải pháp giúp học sinh học tốt toán có lời văn lớp 3, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống”** với mong muốn góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

II. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ TÀI, SÁNG KIẾN

- Tìm hiểu nội dung kiến thức kỹ năng của dạy học toán lời văn lớp 3;
- Tìm hiểu lỗi sai khi giải toán;
- Phân tích nguyên nhân dẫn đến mắc lỗi trong khi làm bài từ đó tìm ra biện pháp khắc phục lỗi sai sao cho có hiệu quả nhất nhằm giúp học sinh không những không còn làm bài sai mà còn yêu thích học toán, say mê môn toán để góp phần không nhỏ nâng cao chất lượng dạy và học môn toán nói riêng cũng như những môn học khác.

III. THỜI GIAN, ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

1. Thời gian

Tôi tiến hành nghiên cứu từ ngày 10/9/2023 đến ngày 5/5/2024 trong năm học 2023 - 2024, theo phân phối chương trình và kế hoạch, thời khóa biểu của nhà trường, của lớp để đảm bảo tính khách quan.

2. Đối tượng

Học sinh lớp 3A3 - Trường Tiểu học Vân Hoà – Ba Vì- Hà Nội.

B. NỘI DUNG CỦA SÁNG KIẾN

I. HIỆN TRẠNG VẤN ĐỀ DẠY VÀ HỌC MÔN TOÁN CÓ LỜI VĂN LỚP 3 BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Qua thực tế giảng dạy nhiều năm ở lớp 3, qua việc thăm dự giờ cũng như trao đổi với đồng nghiệp, tôi thấy thực trạng dạy và học toán lời văn lớp 3 như sau:

Đa số giáo viên đã nắm được quy tắc chung hướng dẫn việc giải toán đó là:

- Nghiên cứu kỹ đầu bài.
- Thiết lập mối quan hệ giữa các số đã cho.
- Lập kế hoạch giải.
- Thực hiện phép tính theo trình tự đã thiết lập.

Phần lớn các giáo viên đều tiến hành với các bài toán lời văn theo đúng trình tự. Nhưng đối với từng loại bài toán, học sinh còn gặp rất nhiều những sai sót như: về trình bày bài giải, lời giải cho từng phép tính, bước cuối cùng đáp số cho bài toán cũng sai ... Giáo viên hiện nay đa phần chỉ cho học sinh lên bảng chữa hỏi làm đúng hay sai? Sai ở đâu? Hoặc chữa lại cho đúng mà chưa đi sâu phân tích cho học sinh giúp các em hiểu tại sao làm sai? Bản chất cái sai đó là từ đâu? Cái sai đó dẫn tới hậu quả gì?

Xin đưa ra một ví dụ cụ thể như sau:

Ví dụ: Bài toán 3 Trang 17 SGK Toán, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống:

Mỗi bàn đấu cờ vua có 3 người. Hỏi 6 bàn đấu cờ vua như vậy có bao nhiêu người?

Học sinh giải:

6 bàn đấu cờ vua như vậy có số người là:

$$6 \times 3 = 18 \text{ (người)}$$

Đáp số: 18 người.

Làm như vậy có nghĩa là 6 bàn đấu cờ vua gấp lên 3 lần (đơn vị là người)
-> Sai yêu cầu của bài.

Học sinh chưa hiểu được bản chất của bài toán là mỗi bàn đấu cờ vua có 3 người và hỏi số người của 6 bàn đấu cờ vua, tức là 3 người được lấy 6 lần và phép tính đúng phải là: $3 \times 6 = 18$ (người).

Chính vì vậy sai sót của học sinh khi giải toán có lời văn thường xuyên xảy ra. Bởi vậy nhiều học sinh rất sợ giải toán có lời văn, nhất là những học sinh có lực học chưa tốt.

Qua khảo sát tìm hiểu học sinh, khi hỏi tới sở thích của mình, tôi thấy thực tế số lượng học sinh thích giải toán có lời văn rất ít. Kết quả khảo sát là:

Sở thích	Thích học	Không biết	Sợ học
Số lượng	52%	21%	27%

Nhìn vào số lượng học sinh không biết mình có thích giải toán có lời văn hay không và sợ môn này tôi thấy lo ngại. Vì vậy tôi đi sâu nghiên cứu, áp dụng đề tài trong năm học này.

II- CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN SÁNG KIẾN

Trước thực trạng dạy và học đó, là một giáo viên giảng dạy lớp 3 nhiều năm tôi đã phân tích và tự đặt ra cho mình câu hỏi “*phải làm gì?*” và “*phải làm như thế nào?*” để khắc phục tình trạng đó nhằm góp phần nâng cao chất lượng cho học sinh.

Qua thực tế giảng dạy và tự rút kinh nghiệm đúc kết của bản thân cũng như áp dụng qua thực tế giảng dạy, tôi xin mạnh dạn đưa ra những sáng kiến của mình đã áp dụng thấy hiệu quả trong quá trình dạy học môn toán có lời văn lớp 3 như sau:

1- Một số bài toán có lời văn lớp 3

a. Toán đơn:

- Tìm tích.
- Chia thành phần bằng nhau.
- Chia nhóm bằng nhau.
- Gấp một số lên nhiều lần.
- Giảm một số đi nhiều lần.
- So sánh một số gấp hoặc kém một số khác bao nhiêu lần.

b. Toán hợp:

- Loại toán hợp gồm một phép nhân (chia) và một phép cộng (trừ);
- Bài toán giải bằng 2 phép tính nhân, chia liên quan đến rút về đơn vị;
- Toán hợp liên quan đến quy tắc “Nhân một tổng với một số”;
- Toán hợp liên quan đến quy tắc “Chia một tổng cho một số”.

2. Một số lỗi sai thường gặp khi giải toán có lời văn lớp 3

Với học sinh lớp 3, toán có lời văn với rất nhiều dạng bài, nhiều loại toán khác nhau. Ở mỗi dạng toán học sinh có sai sót riêng nhưng cơ bản là:

- Trình bày bài giải
- Viết câu trả lời
- Đặt phép tính sai do nhầm lẫn giữa những dạng toán tương tự.

- Viết tên đơn vị
- Khi làm bài, học sinh không đọc kĩ đề nên khi thấy không hiểu là thôi không chịu suy luận để làm.

Tuy nhiên, ở mỗi loại toán qua thực tế giảng dạy nhiều năm tôi thường gặp những sai sót khác nhau. Tôi xin đi vào cụ thể từng loại, đồng thời xin được nêu ra nguyên nhân dẫn đến sai và biện pháp khắc phục những lỗi sai đó. Cách làm của tôi áp dụng nhiều năm và cho thấy hiệu quả rõ rệt. Cụ thể tôi làm như sau:

3. Giải pháp khắc phục lỗi sai khi giải toán.

3.1 Dạng toán đơn:

3.1.1. Loại toán tìm tích:

*** Lỗi sai:**

Ở dạng toán này mặc dù là dạng toán học sinh đã từng làm ở lớp 2, tuy nhiên lên đến lớp 3 các em vẫn mắc phải lỗi sai rất đáng tiếc đó là “**đặt phép tính sai**”.

Ví dụ: Bài toán 3 trang 19 SGK Toán, bộ sách KN tri thức với cuộc sống.

Mỗi ô tô có 4 bánh xe. Hỏi 8 ô tô như vậy có tất cả bao nhiêu bánh xe?

Học sinh giải:

8 ô tô như vậy có số bánh xe là:

$$8 \times 4 = 32 \text{ (bánh xe)}$$

Đáp số: 32 bánh xe.

Mặc dù số chiếc bánh tìm được là đúng nhưng đặt phép tính sai. Phép tính đúng là: $4 \times 8 = 32$ (bánh xe)

Ngay cả một số phụ huynh không hiểu tại sao cô giáo lại chấm bài cho con mình là sai, đã có phụ huynh thắc mắc học sinh tìm ra 32 bánh xe là đúng, tại sao cô lại chấm là sai?

Trước thắc mắc của phụ huynh tôi tiến hành giúp cho học sinh hiểu rõ nguyên nhân, đồng thời cho học sinh sửa sai của mình như sau:

*** Nguyên nhân:**

- Về phía giáo viên: Chưa cung cấp cho học sinh hiểu rõ bản chất của phép nhân. Gặp bài với lỗi sai như vậy chưa kịp thời cho học sinh hiểu vì sao sai và sửa chữa cái sai đó.

- Về phía học sinh: Hiểu sai rằng 8×4 hay 4×8 thì cũng bằng 32 (bánh xe) là đúng.

*** Giải pháp sửa chữa:**

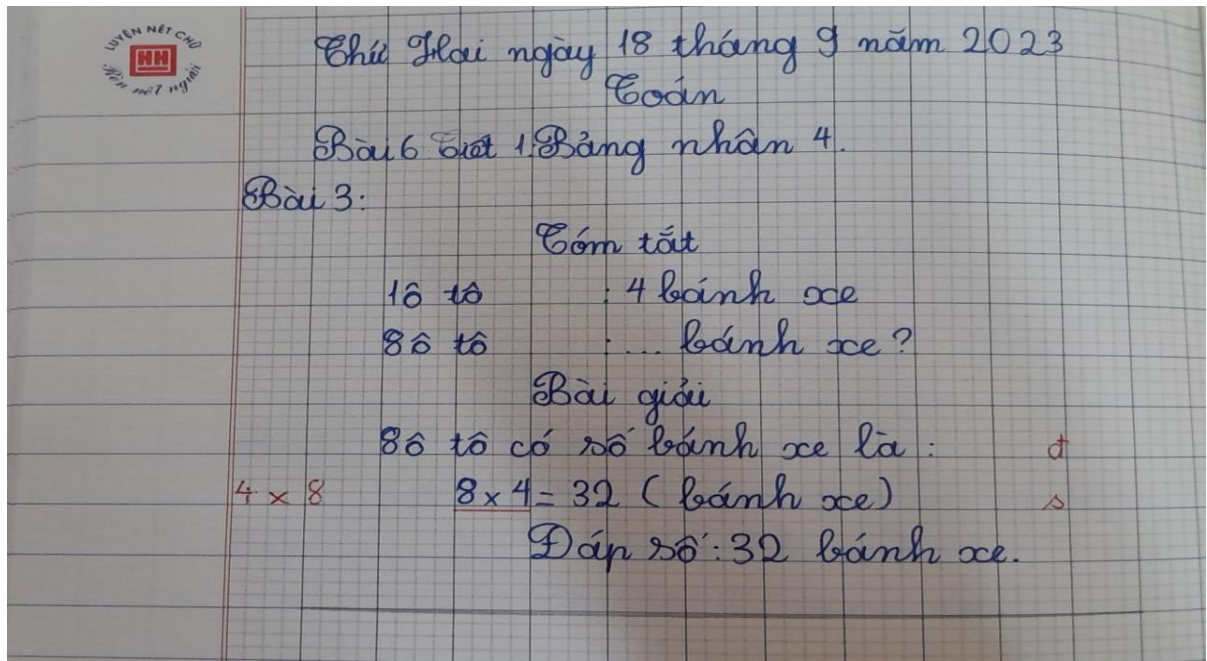
- Giáo viên giúp cho học sinh thấy:

Khi đặt tính 4×8 tức là 4 bánh xe được gấp lên 8 lần;

Còn khi đặt tính 8×4 tức là 8 ô tô gấp lên 4 lần;

Mà đề bài cho 4 bánh xe và 8 ô tô nên khi đặt tính 8×4 thì có nghĩa 8 ô tô gấp lên 4 lần $\rightarrow$ đơn vị là “ô tô”. Sai yêu cầu đề bài (8 ô tô có tất cả bao nhiêu chiếc bánh xe) $\rightarrow$ đơn vị phải là “**bánh xe**”). Như vậy sai yêu cầu của đầu bài có 4 bánh xe và 8 ô tô (8×4) tức là 8 ô tô gấp lên 4 lần thì đơn vị là “**bánh xe**” cũng sai.

Nói tóm lại tôi giúp cho học sinh nhận thấy: Số đứng trước thường là đơn vị của kết quả... Nhờ vậy học sinh đã nhanh chóng nhận ra lỗi sai của mình và ghi nhớ để sửa chữa đồng thời không lặp lại lỗi sai tương tự. Đây là cách giúp học sinh ghi nhớ thật đơn giản nhưng lại cho hiệu quả cao.



Hình ảnh bài làm sai của học sinh

3.1.2. Loại toán “ Chia thành phần bằng nhau ”, “Chia nhóm bằng nhau”

Với hai dạng toán này xin gộp lại. Bởi lẽ rất dễ nhầm lẫn và cũng nhầm mục đích phân biệt hai dạng toán này.

* Lỗi sai:

- Đây là 2 loại toán chỉ dùng 1 phép tính chia, nhưng đa số học sinh trung bình và ngay cả học sinh khá vẫn mắc lỗi sai đó là: “**Viết tên đơn vị cho phép tính**”.

Ví dụ:

a) Bài toán 2 trang 20 toán 3 tập 1: Có 24 chiếc bánh chia vào các hộp, mỗi hộp 4 chiếc bánh. Hỏi được bao nhiêu hộp bánh như vậy?

b) Bài toán 2 trang 18 toán 3 tập 1: Chia đều 30 que tính thành 3 bó. Hỏi mỗi bó có bao nhiêu que tính?

Có học sinh giải: a) 24 chiếc bánh chia được số hộp như vậy là:

$$24 : 4 = 6 \text{ (chiếc bánh)}$$

Đáp số: 6 chiếc bánh.

b) Mỗi bó có số que tính là:

$$30 : 3 = 10 \text{ (bó)}$$

Đáp số: 10 bó que tính.

Ở cả 2 bài làm như vậy đều sai (sai đơn vị) mặc dù lời giải và cách thực hiện phép tính đúng.

*** Nguyên nhân:**

- Do chủ quan không đọc kỹ câu hỏi.
- Do chưa phân biệt 2 loại toán này.

*** Giải pháp sửa:**

- Thứ nhất: Cho học sinh rõ đề bài hỏi gì để suy ra tên đơn vị cho phép tính.
- Thứ hai: Giúp học sinh phân biệt 2 dạng toán, căn cứ vào đơn vị của số bị chia và thương.

- + Nếu đơn vị của số bị chia và thương khác nhau là loại toán chia theo nhóm;
- + Còn đơn vị của số bị chia và thương giống nhau là loại toán chia thành phần bằng nhau.

- Thứ ba: Khi phân tích đề bài giáo viên nên cho học sinh tóm tắt ngắn gọn để đối chiếu. (Chú ý gạch chân tên đơn vị của câu hỏi)

a) 4 chiếc bánh : 1 hộp

24 chiếc : ... hộp?

b) 3 bó : 30 que tính

1 bó : ...que tính?

* Nhờ cách phân tích trên, học sinh của tôi đã hiểu rõ sai sót của mình và sửa chữa sai sót đó. Chắc chắn học sinh không mắc lại.

3.1.3. Loại toán “Gấp một số lên nhiều lần” “Giảm một số đi nhiều lần”

Sở dĩ tôi gộp 2 loại toán này lại với nhau bởi lẽ ở 2 loại toán này học sinh rất dễ mắc sai sót, với lỗi sai tương tự nhau.

a) Ví dụ bài 3 trang 70: Năm nay con 9 tuổi, tuổi bố gấp 4 lần tuổi con. Hỏi năm nay bố bao nhiêu tuổi?

b) Ví dụ bài 3 trang 80: Mai có 28 chiếc bút màu. Sau khoá học vẽ, số chiếc bút màu còn lại của Mai so với lúc đầu giảm đi 4 lần. Hỏi Mai còn lại bao nhiêu chiếc bút màu?

* **Lỗi sai:** - Giữa “Gấp một số lên nhiều lần” với “Hơn một số đơn vị”
(cùng sử dụng phép tính chia)

- Giữa “Giảm một số đi nhiều lần” với “kém một số đơn vị”
(cùng sử dụng phép tính chia)

*** Nguyên nhân mắc lỗi:**

- Nguyên nhân cơ bản của sai sót trên là do khả năng ghi nhớ quy tắc của học sinh chưa tốt. Hơn nữa có thể do giáo viên chưa khắc sâu cho học sinh phân biệt 2 loại toán này.

*** Giải pháp sửa chữa:**

- Giáo viên làm rõ cho học sinh nắm được một số lưu ý sau:
- + Phân biệt “**Gấp một số lên nhiều lần**” (sử dụng phép tính nhân) với “**Hơn một số đơn vị**” (sử dụng phép tính cộng).
- + Phân biệt “**Giảm một số đi nhiều lần**” (sử dụng phép tính chia) với “**Kém một số đơn vị**” (sử dụng phép tính trừ).
- Bằng cách cho HS luyện tập hai dạng toán này trên cùng một phiếu để HS tiện so sánh.
- Để hạn chế sai sót và tránh lặp lại tôi sử dụng phương pháp trực quan kết hợp phương pháp thử lại để học sinh tự thấy đáp số có phù hợp với thực tế đề bài không.
- Yêu cầu học sinh ghi nhớ quy tắc trên cơ sở hiểu rõ đối tượng nào “**gấp**”, “**giảm**” đối tượng nào?

3.1.4. Loại toán “So sánh số lớn gấp mấy lần số bé” hay “Số lớn hơn số bé bao đơn vị”

Ví dụ: Bài toán 3 trang 110 SGK Toán, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

Thuyền lớn chở 24 khách du lịch, thuyền nhỏ chở 6 khách du lịch, Hỏi:

- Thuyền lớn chở nhiều hơn thuyền nhỏ bao nhiêu khách du lịch?
- Số khách ở thuyền lớn gấp mấy lần số khách ở thuyền nhỏ?

*** Lỗi sai:**

- **Lỗi sai 1 :** Với loại toán này học sinh trung bình thường mắc lỗi ghi tên đơn vị cho phép tính sai :

- Thuyền lớn chở nhiều hơn thuyền nhỏ số khách du lịch là :

$$24 - 6 = 18 \text{ (khách)}$$

Đáp số : 18 khách

- Số khách ở thuyền lớn gấp số khách ở thuyền nhỏ số lần là:

$$24 : 6 = 4 \text{ (khách)}$$

Đáp số : 4 khách.

- **Lỗi sai 2** : Với phần a HS thường sử dụng phép cộng, các bạn cứ thấy trong câu hỏi có từ: **“nhiều hơn”** là một số bạn làm phép tính cộng.

a) - Thuyền lớn chở nhiều hơn thuyền nhỏ số khách du lịch là :

$$24 + 6 = 30 \text{ (khách)}$$

Đáp số : 30 khách.

*** Nguyên nhân mắc lỗi :**

- **Với lỗi sai 1** : Học sinh chưa xác định yêu cầu cụ thể của bài, yêu cầu của tên đơn vị ở câu hỏi b của bài này là **“lần”** . Mặt khác, học sinh chưa tự xác định được 2 loại thuyền, loại nào là **“số lớn”**, **“số bé”** vì vậy chưa xác định được khái niệm **“Số lớn gấp số bé bao nhiêu lần”**

- **Với lỗi sai 2** : Do HS quá chủ quan và nôn nóng vội vàng khi đọc đề bài, cứ thấy có cụm từ **“nhiều hơn”** là đặt phép tính cộng luôn.

*** Lúc này giáo viên cần làm :**

- **Với lỗi sai 1**

+ Giáo viên phân tích đề bài: **“Đề bài hỏi gì?”** chú ý sâu hơn đơn vị của đề bài đề cập tới số **“lần”** chứ không phải số **“khách”**. Chỉ khi nào hỏi như câu a hoặc hỏi thuyền nhỏ ít hơn thuyền lớn bao nhiêu khách? thì đơn vị mới là **“khách”**.

+ Giáo viên câu yêu cầu học sinh chỉ rõ số khách ở thuyền lớn, số khách ở thuyền nhỏ là số bé hay số lớn, từ đó vận dụng quy tắc và biểu tượng học sinh trực quan sẽ hiểu.

- **Với lỗi sai 2** : GV cần chỉ rõ cho HS thấy: Đề bài cho biết số khách trên 2 thuyền và hỏi **“Thuyền lớn hơn thuyền bé bao nhiêu khách?”**, chúng ta phải đi tìm phần hơn của số lớn với số bé vậy chúng ta phải làm phép tính trừ chứ không phải bài toán cho biết thuyền lớn hơn thuyền bé 6 khách và hỏi **“Số khách ở thuyền lớn”**.

Thức Năm ngày 21 tháng 12 năm 2023
Toán

Bài 49: Tiết 2: Số sánh số lớn gấp mấy lần số bé.

Bài 3 trang 110.

a, Thuyền lớn chở nhiều hơn thuyền nhỏ số khách là:

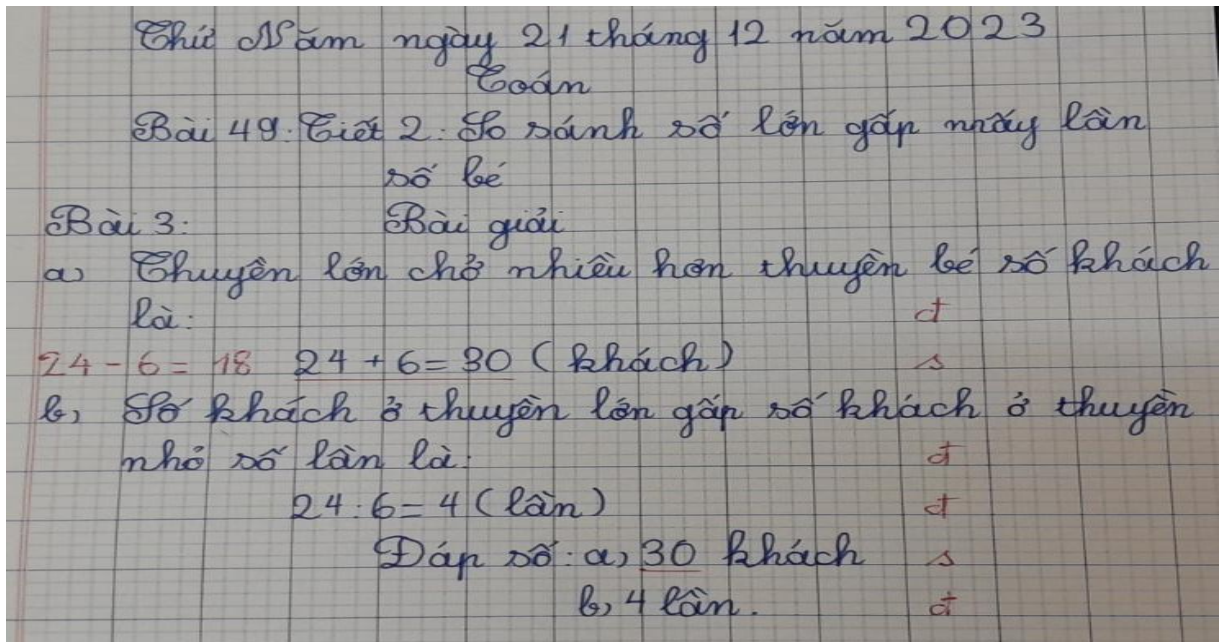
$$24 - 6 = 18 \text{ (khách)}$$

b, Số khách ở thuyền lớn gấp số khách ở thuyền nhỏ số lần là:

$$24 : 6 = 4 \text{ (khách) (lần)}$$

Đáp số: a, 18 khách

b, 4 khách. lần.



Hình ảnh một số bài làm sai của học sinh

3.2 . Loại toán hợp

- Việc giải toán hợp ở lớp 3 rất phức tạp, đòi hỏi học sinh phải tư duy và tự tổng hợp. Bởi lẽ toán hợp là “**tổ hợp**” từ các bài toán đơn liên quan tới 4 phép tính (cộng, trừ, nhân, chia). Do vậy các bài toán hợp cũng rất phong phú, đa dạng nhưng cách giải rõ ràng đơn giản thường vẫn phải quy về toán đơn. Học sinh lớp 3 khả năng phân tích, tổng hợp kém bởi vậy trong quá trình giải toán hợp vẫn vấp phải những sai sót, nhất là với đối tượng học sinh trung bình yếu. Trong khuôn khổ bản sáng kiến kinh nghiệm tôi xin đưa ra những sai sót thường gặp của học sinh, khi học tới loại toán hợp cũng như nguyên nhân, biện pháp sửa như sau:

Trước đây mỗi khi gặp sai sót của học sinh khi giải toán hợp, tôi thường cho học sinh lên chữa bài, gọi học sinh lên hỏi “**đúng**” hoặc “**sai**” mà chưa cụ thể cho học sinh hiểu vì sao sai, hậu quả của cách sai và chưa có biện pháp cụ thể. Vì vậy cái sai vẫn còn lặp lại. Ngoài bảng thống kê trên với sáng kiến kinh nghiệm này tôi xin được đưa ra đơn cử một vài dạng toán cơ bản của học sinh lớp 3 và phân tích để thấy được hiệu quả mà mình áp dụng.

3.2.1. Loại toán gồm một phép tính nhân (chia) và một phép tính cộng (trừ).

Loại toán này gồm rất nhiều dạng bài khác nhau:

- Dạng toán gồm một phép tính nhân và một phép tính cộng;
- Dạng toán gồm một phép tính nhân và một phép tính trừ;
- Dạng toán gồm một phép tính chia và một phép tính cộng;
- Dạng toán gồm một phép tính chia và một phép tính trừ;
- Dạng toán gồm một phép tính cộng và một phép tính trừ;

Trong các dạng bài đó, học sinh còn mắc một số sai sót đáng tiếc:

*** *Lỗi sai thứ nhất: Viết câu lời giải sai so với phép tính***

Ví dụ bài toán 3 trang 83 sách kết nối tri thức với cuộc sống:

Trong ngày hội trồng cây, Việt trồng được 5 cây. Số cây Rô – bót trồng được gấp 3 lần số cây của Việt, Hỏi cả hai bạn trồng được bao nhiêu cây?

Học sinh làm:

Rô – bót trồng được gấp 3 lần số cây của Việt là:

$$5 \times 3 = 15 \text{ (cây)}$$

Cả hai bạn trồng được số cây là:

$$15 + 5 = 20 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 20 cây.

*** *Nguyên nhân:***

Do các em chưa hiểu kỹ yêu cầu của bài toán nên chưa nắm được mối quan hệ logic giữa phép tính và lời giải.

*** *Giải pháp sửa:***

- Tôi yêu cầu HS đọc kỹ đề bài. Xác định đúng yêu cầu của đề toán bằng cách đặt các câu hỏi dạng:

+ Bài toán yêu cầu ta tìm gì?

+ Muốn tìm ta phải làm gì? Làm phép tính gì?

+ Vậy lời giải tương ứng là gì?

- Khi chữa bài tôi thường ghi ra bảng phụ những câu lời giải, phép tính không tương ứng để HS phát hiện và sửa lại cho đúng.

*** *Lỗi sai thứ hai: Thực hiện phép tính sai***

Ví dụ 1: Bài toán 3 trang 83 sách kết nối tri thức với cuộc sống:

Trong ngày hội trồng cây, Việt trồng được 5 cây. Số cây Rô – bót trồng được gấp 3 lần số cây của Việt, Hỏi cả hai bạn trồng được bao nhiêu cây?

Học sinh làm:

Cả hai bạn trồng được số cây là:

$$5 + 3 = 8 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 8 cây.

Ví dụ 2: Bài toán 2 trang 52 toán 3 tập 2 sách kết nối tri thức với cuộc sống

Máy bay A đang bay ở độ cao 6 504 m. Máy bay A đang bay ở độ cao gấp đôi độ

cao máy bay B. Máy bay B đang bay ở độ cao gấp 3 lần độ cao máy bay C. Hỏi máy bay C đang bay ở độ cao bao nhiêu mét?

Có học sinh làm:

Máy bay B đang bay ở độ cao là:

$$6\,504 \times 2 = 13\,008 \text{ (m)}$$

Máy bay C đang bay ở độ cao là:

$$13\,008 \times 3 = 39\,024 \text{ (m)}$$

Đáp số: 39 024 mét.

*** Nguyên nhân mắc lỗi:**

- Học sinh chưa đọc kĩ yêu cầu của bài, vội vàng nôn nóng làm bài ngay.

*** Giải pháp sửa những lỗi sai đó:**

Ví dụ 1: Yêu cầu HS đọc đề bài, tóm tắt bằng sơ đồ đoạn thẳng

Tóm tắt:



Hỏi: Muốn biết cả hai bạn trồng được bao nhiêu cây, ta phải biết những gì?
(ta phải biết mỗi bạn trồng được bao nhiêu cây).

Hỏi: Đề bài đã cho biết số cây trồng của bạn nào rồi và cần phải tìm số cây trồng của bạn nào nữa?

(Đã biết số cây của Việt, cần tìm số cây của rô bốt).

Hỏi: Để tìm số cây của Rô – bốt ta phải làm thế nào?

(Ta lấy số cây của Việt nhân 3).

Ví dụ 2:

- Đầu tiên giáo viên yêu cầu học sinh đọc kĩ yêu cầu của bài.

Đề bài cho biết:

+ Máy bay A đang bay ở độ cao 6 504 m

+ Máy bay A đang bay ở độ cao gấp đôi độ cao máy bay B

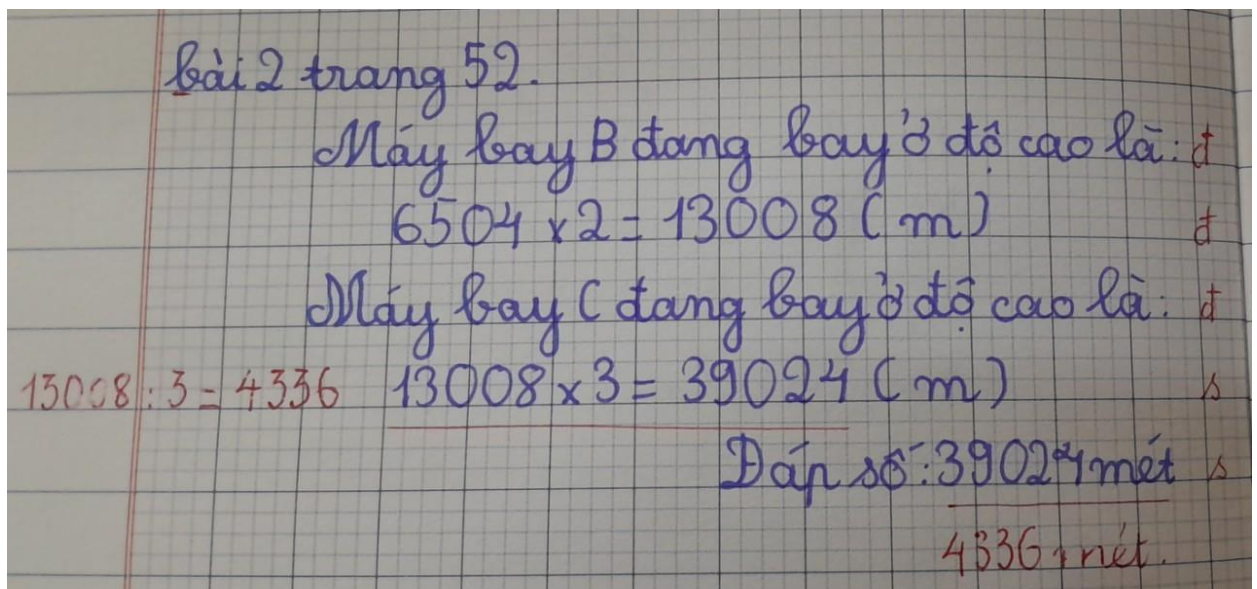
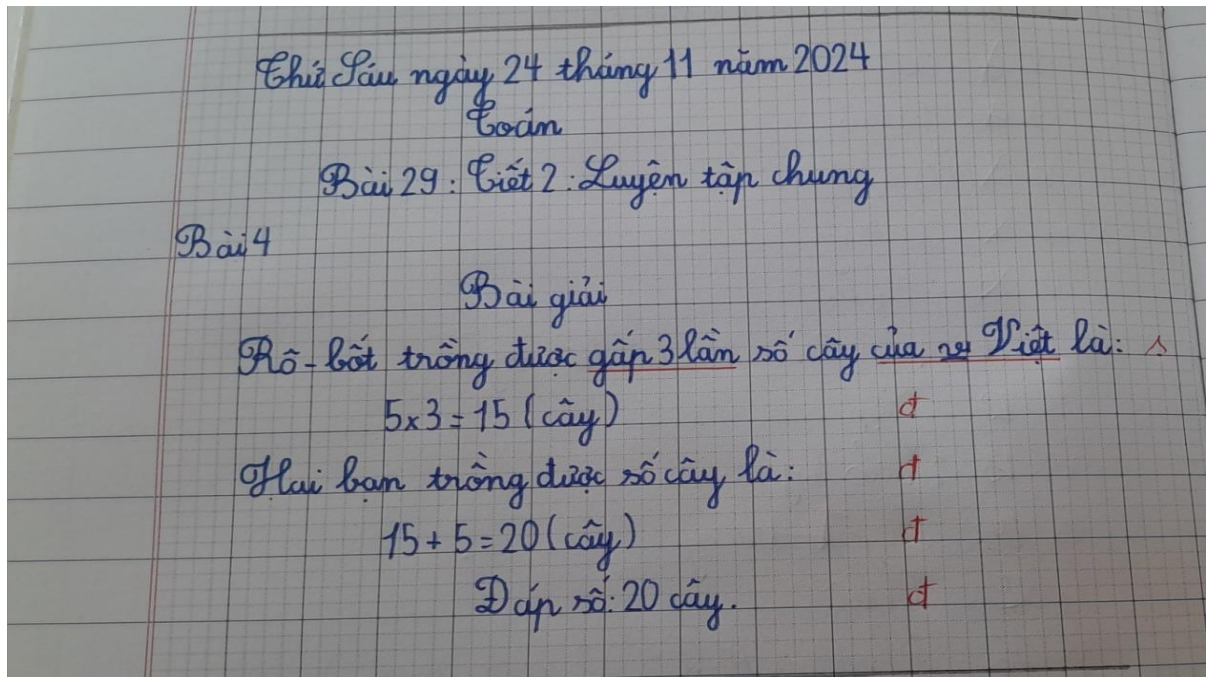
+ Máy bay B đang bay ở độ cao gấp 3 lần độ cao máy bay C

Ở đây, ta cần cho học sinh thấy phải chú ý tới điều kiện thứ ba: Máy bay B đang bay ở độ cao gấp 3 lần độ cao máy bay C có nghĩa là: máy bay C đang bay ở độ cao kém 3 lần độ cao máy bay B (độ cao của máy bay C là số bé). Do học

sinh đọc lướt qua chữ “**gấp 3**” đã vội vàng làm ngay nên mắc phải sai lầm đáng tiếc đó (đem $13\ 008 \times 3$ để tìm độ cao đang bay của máy bay C).

- Tiếp theo giáo viên hướng dẫn học sinh tự tóm tắt đề bài bằng sơ đồ đoạn thẳng. Khi đã tự tóm tắt đề bài bằng sơ đồ đoạn thẳng học sinh sẽ dễ dàng thấy rõ vấn đề.

Từ hướng dẫn trên, chắc chắn học sinh sẽ làm đúng dạng bài này cũng như một số dạng bài tương tự khác.



Hình ảnh một số bài làm sai của học sinh

3.2.2. Loại toán chu vi và diện tích hình

a. Với loại toán này không phải là một loại trong toán có lời văn lớp 3. Nhưng khi làm toán chu vi và diện tích hình học sinh vẫn sử dụng nhiều phép tính

nên vẫn là toán học. Trong quá trình giảng dạy lớp 3 tôi thấy nhiều học sinh phải tiếp cận với một dòng kiến thức mới như bước sang một thế giới kiến thức với sự khác biệt của đại lượng độ dài và đại lượng diện tích. Nhiều học sinh ngỡ không hình dung bởi sự khác biệt giữa m và m^2 , cm và cm^2 , dm và dm^2 ... Vì sao lại ghi số (2) nhỏ ở trên đơn vị m , cm , dm ..., do vậy còn nhầm lẫn giữa công thức tính chu vi và diện tích nên khi giải toán tính chu vi và diện tích các hình thường sai đơn vị đo.

Xin đưa ra một ví dụ ở đó tổng hợp một vài sai sót của học sinh, một ví dụ được cho rằng khó hình dung và khó hiểu với học sinh lớp 3:

Ví dụ: Bài toán 2 trang 36 tập 2 sách kết nối:

Một hình chữ nhật có chiều dài 6cm, chiều dài gấp đôi chiều rộng. Tính diện tích hình chữ nhật đó?

Khi gặp bài toán này nhiều học sinh đã giải:

Chiều dài hình chữ nhật là :

$$6 \times 2 = 12 \text{ (cm)}$$

Diện tích của hình chữ nhật đó là :

$$(12 + 6) \times 2 = 36 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 36 cm.

Như vậy với bài làm này học sinh đã mắc những sai sót sau:

- Sai sót 1: Nhầm công thức tính.
- Sai sót 2: Nhầm đơn vị đo diện tích do không hiểu đại lượng độ dài và diện tích.

*** Nguyên nhân:**

- Học sinh chưa hiểu thế nào là chu vi và thế nào là diện tích, do chưa nắm vững quy tắc tính. Kết hợp đặc tính hồn nhiên của trẻ tiểu học, đọc đề không kĩ còn hấp tấp vội vàng.

*** Giải pháp sửa:**

- Khi phân tích sai sót này, một mặt giáo viên chỉ rõ chu vi là đại lượng độ dài, đơn vị đo là m , cm , dm ... còn diện tích là đại lượng diện tích đơn vị đo là m^2, cm^2, dm^2 .

- Mặt khác tôi chỉ cho học sinh thấy:

+ Đo chu vi tức là tổng độ dài các cạnh. Chu vi hình chữ nhật là: (Số đo chiều dài cộng số đo chiều rộng cùng đơn vị đo rồi nhân với 2)

+ Đo diện tích là tính toàn bộ bề mặt của hình đó. Diện tích hình chữ nhật là: (số đo chiều dài nhân với số đo chiều rộng cùng đơn vị đo).

Ngoài ra tôi dùng lại hình chữ nhật bằng trực quan cho học sinh thấy:

Chu vi là phần viền xung quanh hình. Diện tích là toàn bộ bề mặt của hình đó. Nhờ biện pháp trên không chỉ ở bài toán này mà ở các bài toán khác có liên quan tới chu vi và diện tích hình học sinh sẽ hiểu:

- Thứ nhất: Vận dụng đúng quy tắc tính chu vi, diện tích hình để ghi lời giải và lập phép tính đúng.

- Thứ hai: Tên đơn vị cho mỗi phép tính phải đúng.

b. Với loại toán chu vi và diện tích hình, với những bài kết hợp của nhiều phép tính để tìm số đo cạnh, học sinh còn một số sai sót.

Ví dụ: Bài 4 trang 36 sách toán 3 tập 2

Một võ đài hình vuông có chu vi 36cm. Tính diện tích võ đài đó?

Ở bài này học sinh làm nhầm như sau:

Diện tích võ đài đó là:

$$36 \times 4 = 144 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 144 m²

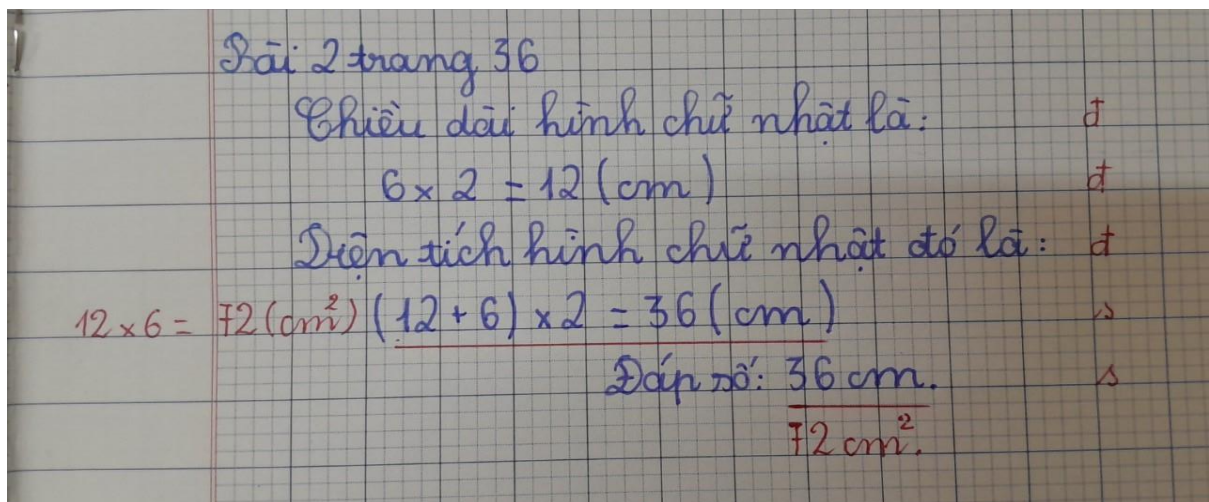
*** Nguyên nhân mắc lỗi:**

- Chưa biết cách tìm cạnh trước khi tính diện tích.

*** Giải pháp sửa những lỗi sai đó:**

- Trước tiên yêu cầu học sinh nhắc lại công thức tính chu vi hình vuông. Từ công thức đó nêu cách tính cạnh hình vuông (cạnh hình vuông bằng chu vi chia cho 4).

- Tiếp theo tính diện tích hình vuông (số đo một cạnh nhân với chính nó).



Hình ảnh một số bài làm sai của học sinh

Trên đây là sáng kiến kinh nghiệm: “Một số giải pháp giúp học sinh học tốt toán có lời văn lớp 3, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống”. Những biện pháp, những cách làm trên tôi đã áp dụng thường xuyên, liên tục trong giảng dạy và đã cho kết quả rõ rệt. Với sáng kiến kinh nghiệm này tôi thấy chắc chắn có thể áp dụng được và hiệu quả đối với lớp 3 ở các trường tiểu học hiện nay.

III. KẾT QUẢ SAU KHI ÁP DỤNG GIẢI PHÁP SÁNG KIẾN TẠI LỚP TÔI GIẢNG DẠY

Đối với học sinh nhất là học sinh lớp 3 thì việc giải toán có lời văn là một vấn đề khó và phức tạp, bởi nó gồm nhiều dạng toán khác nhau, mỗi dạng lại là sự kết hợp đa dạng nhiều khái niệm, nhiều quan hệ toán học. Song thực tế giảng dạy nhiều năm ở lớp 3, nhờ việc áp dụng những biện pháp khắc phục lỗi sai khi giải toán có lời văn mà chất lượng môn toán lớp tôi phụ trách nâng cao rõ rệt. Số lượng học sinh yêu thích môn toán ngày càng tăng, cứ đến giờ học toán tinh thần học sinh vui tươi đầy hào hứng.

Kết quả được đánh giá:

Sở thích	Thích	Không biết	Sợ
Đầu năm học	52%	21%	27%
Cuối kỳ I	87 %	8%	5 %

Việc áp dụng biện pháp sửa chữa lỗi sai này, số lượng học sinh học sợ học môn toán của lớp tôi tới cuối kì II chắc sẽ không còn nữa.

Là một giáo viên ai cũng muốn học sinh của mình đạt kết quả cao trong học tập, Tôi thật sự vui mừng khi thấy học sinh của mình ngày càng tiến bộ. Cụ thể:

- Số lượng học sinh nhầm lẫn khi giải toán có lời văn còn rất ít
- Những lỗi sai cơ bản về trình bày không còn nữa.
- Kết quả đợt kiểm tra định kỳ:

Thời gian Tỷ lệ (%)	Khảo sát đầu năm	Cuối kỳ I
Từ điểm 5 trở lên	77	96,8
Từ điểm 7 trở lên	40	80,6

- Việc áp dụng biện pháp sửa chữa những lỗi sai để nâng cao chất lượng môn Toán của học sinh khi giải toán có lời văn đã đem lại kết quả đáng mừng. Tôi nhận thấy cách làm này có thể áp dụng rộng rãi ở lớp 3.

IV. HIỆU QUẢ CỦA SÁNG KIẾN

Trước khi áp dụng sáng kiến nhiều học sinh chưa ham học, sợ học, sợ đến lớp, sợ làm việc nhóm và thảo luận nhóm nên chưa thể hiện được tình đoàn kết, chưa thể hiện được tính chủ động, sáng tạo và tự chiếm lĩnh tri thức còn mang tính hình thức, mờ nhạt. Gia đình phụ huynh lo lắng, chưa yên tâm lao động sản xuất....Học sinh không học được sẽ lưu ban,... ảnh hưởng kinh tế, tâm lý mọi người trong gia đình, ảnh hưởng trật tự, an ninh xã hội....

Sau khi áp dụng sáng kiến, hiệu quả có khả quan hơn, cụ thể như sau:

1. Hiệu quả về khoa học

Học sinh biết tự giác, linh động, sáng tạo, tự tin hợp tác, giúp đỡ trách nhiệm giao tiếp học hỏi lẫn nhau, tự tìm tòi tự chiếm lĩnh kiến thức.

Các em nhút nhát sẽ tự tin hơn.

Học sinh hứng thú, vui vẻ tích cực trong học tập, tiết dạy sinh động và hiệu quả, lớp học trở nên thân thiện, thầy trò gần gũi chan hòa với học sinh.

Học sinh có sự gắn kết về tình bạn, sự thông cảm, sẵn sàng chia sẻ giúp đỡ nhau, chấm dứt tình trạng kì thị giữa các đối tượng học sinh trong lớp.

Say mê ham học toán học sinh phát triển năng lực tư duy: so sánh, lựa chọn, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, trừu tượng hóa. Tập phát hiện tìm tòi, chiếm lĩnh kiến thức mới.

2. Hiệu quả về kinh tế

- Học sinh học tập tiếp thu bài tốt, làm ít sai sót không phải làm lại nhiều lần, không tốn giấy vở, bút viết. Các con học mỗi năm mỗi lớp, tiết kiệm tiền bạc cho gia đình, tham gia thi các cuộc thi sẽ có phần thưởng,...

- Phụ huynh khi thấy con em mình học tập tiên bộ nên yên tâm làm việc hơn sẽ góp phần tăng năng xuất lao động, nâng cao thu nhập kinh tế cho gia đình.

3. Hiệu quả về xã hội

- Học sinh hiểu bài nên ham thích học môn Toán, không còn sợ đến lớp, đến trường, hạn chế các tệ nạn xã hội.

- Học sinh học tập tốt gia đình đầm ấm tươi vui, phụ huynh và học sinh đều vui vẻ chan hòa, yêu thương gắn kết với nhau hơn, gia đình hòa thuận hạnh phúc, xã hội yên bình.

V. Tính khả thi của sáng kiến

- Từ kết quả trên đã cho thấy sáng kiến mà tôi đưa ra là thiết thực, hiệu quả. Tuy nhiên không có biện pháp nào là vạn năng cả mà điều quan trọng là người giáo viên phải biết lựa chọn, vận dụng các sáng kiến linh hoạt hài hòa, hợp lý thì quá trình

giảng dạy sẽ đạt hiệu quả cao. Trong suốt quá trình nghiên cứu, quan sát học sinh giải toán, tôi thấy các em rất thích làm toán, khi các em đã có đủ vốn kiến thức, phương pháp giải toán. Các em giải toán đúng chính xác hơn, khi các em được thầy cô nhiệt tình hướng dẫn với phương pháp dễ hiểu nhất, dễ nhớ nhất. Với phương pháp này trang bị cho các em vốn kiến thức cơ bản để các em giải dạng toán này không nhầm lẫn, chất lượng học toán của các em được nâng lên rõ rệt.

Nếu được thực hiện đồng bộ, đúng lúc kịp thời các biện pháp trên, tôi tin rằng chất lượng môn toán nói chung và phần giải toán có lời văn nói riêng của các em lớp 3 sẽ có kết quả nhất định và là nền móng vững chắc để các em học tốt môn toán ở các lớp sau.

VI. Thời gian thực hiện sáng kiến

- Từ ngày 10 tháng 9 năm 2023 đến ngày 5 tháng 5 năm 2024

VII. Kinh phí thực hiện sáng kiến

- Mua tài liệu tham khảo, làm đồ dùng dạy toán trong quá trình nghiên cứu, phô tô phiếu bài tập, phiếu khảo sát, in sáng kiến...: 300.000 đồng

C - KHUYẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

I. Đối với nhà trường

Thường xuyên tổ chức các chuyên đề toán giúp giáo viên có cơ hội học tập, rút kinh nghiệm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

Tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để giáo viên có điều kiện hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, động viên, khen thưởng các giáo viên và học sinh đạt thành tích, kịp thời nhắc nhở, kỉ luật nghiêm khắc những học sinh vi phạm.

Mua sắm đồ dùng đầy đủ phục vụ cho việc giảng dạy môn toán.

II. Đối với giáo viên

Đòi hỏi người thầy phải có tâm huyết, tận tâm với nghề, phải biết dùng tình thương và trách nhiệm để giáo dục các em cũng như làm gương cho các em học tập, động viên khích lệ những cố gắng tiến bộ của học sinh kịp thời.

Thầy cô phải luôn không ngừng học hỏi và cải tiến các biện pháp giáo dục sao cho sát đối tượng, và từng tình huống, hoàn cảnh cụ thể, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý học sinh.

III. Đối với phụ huynh học sinh

Các bậc phụ huynh phải luôn là quan tâm tới các con, phối hợp chặt chẽ cùng nhà trường, tạo môi trường và điều kiện học tập tốt nhất để dạy dỗ các con. Luôn nhắc nhở con em chăm chỉ học tập. Động viên khích lệ các em kịp thời.

Trên đây là một số kinh nghiệm của tôi trong việc sửa chữa những sai sót cho học sinh lớp 3 khi dạy toán lời văn. Trong thực tế giảng dạy mỗi người đều có suy nghĩ, kinh nghiệm, bí quyết nghề nghiệp riêng của mình nhằm mục đích cuối cùng là nâng cao chất lượng dạy và học. Do hạn chế về thời gian, điều kiện nghiên cứu và trình độ hiểu biết của bản thân, chắc chắn nội dung đề tài còn nhiều thiếu sót, rất mong được sự quan tâm góp ý của hội đồng khoa học và các các bạn đồng giả để đề tài của tôi được hoàn thiện hơn, được tiếp tục triển khai có chất lượng, áp dụng được rộng rãi hơn.

Tôi xin cam đoan trên đây là SKKN của tôi viết, không sao chép của người khác, không trùng lặp với bất kỳ sáng kiến nào trên địa bàn huyện.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

Vân Hoà, ngày 6 tháng 5 năm 2024

**XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG
ĐƠN VỊ**

Tác giả

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Bùi Thị Quyên

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Toán 3 sách kết nối tri thức với cuộc sống – NXBGD.
2. Vở bài tập toán 3- NXBGD.
3. Bài tập toán nâng cao lớp 3 – mở rộng kiến thức SGK – NXB đại học Sư phạm
4. Bài tập phát triển năng lực môn toán lớp 3 – NXB đại học Sư phạm.
5. Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học - NXB đại học Sư phạm.
6. Bài giảng hướng dẫn chi tiết toán 3 – NXBGD.
7. Phương pháp giải toán Tiểu học – NXB Sư phạm.
8. Thực hành phát triển năng lực toán lớp 3- NXB Sư phạm.

